**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 4 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ L.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2018 và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là chị Nguyễn Mỹ L thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào 16 tháng 12 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống, do anh N không quan tâm đến gia đình, thực hiện một số hành vi vi phạm, mặc dù đã được khuyên giải để khắc

phục nhưng anh N không sửa chữa nên chị đã bỏ đi từ ngày 19 tháng 12 năm 2014 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể quay lại chung sống nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con: Chị và anh Nhân có 02 người con chung tên Nguyễn Gia H (do anh N đang nuôi dưỡng cùng với cha, mẹ) và Nguyễn Gia H1 (do chị đang nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi Gia H1 và đồng ý giao Gia H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

* *Đối với anh Nguyễn Văn N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L, nhưng anh N không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N là đúng quy định pháp luật.

**[2]** Về hôn nhân: Chị Nguyễn Mỹ L và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào 16 tháng 12 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Khi về chung sống, do anh N không quan tâm đến gia đình, thực hiện một số hành vi vi phạm, mặc dù đã được khuyên giải để khắc phục nhưng anh N không sửa chữa nên chị L đã bỏ đi từ ngày 19 tháng 12 năm 2014 và ly thân cho đến nay. Từ nguyên nhân đó, chị L xác định không còn tình cảm, không thể quay lại chung sống nên xin được ly hôn với anh N. Anh N không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, thấy rằng: Việc anh N không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị L và không có thiện chí để tham gia việc hòa giải, xét xử tại Tòa án; điều đó cho thấy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L ly hôn với anh N là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

**[3]** Về con: Chị L và anh N có 02 người con chung tên Nguyễn Gia H (do anh N đang nuôi dưỡng) và Nguyễn Gia H1 (do chị đang nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi Gia H1 và đồng ý giao Gia H cho anh N tiếp tục nuôi

dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L về vấn đề này.

Xét yêu cầu của chị L, thấy rằng: Cháu Gia H do anh N nuôi dưỡng và Gia H1 do chị L nuôi dưỡng từ khi anh, chị ly thân cho đến nay và anh N không có ý kiến gì về vấn đề này. Do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần; trên cơ sở xem xét, điều kiện hiện nay của chị L, nên giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không có yêu cầu và anh N không có ý kiến gì khác nên không đặt ra xem xét.

**[4]** Về tài sản: Chị L xác định tự thỏa thuận trong khi anh N không có ý kiến gì khác nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về tài sản sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

**[5]** Về nợ: Theo chị L xác định không có; anh N không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

**[6]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**C**ăn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1**. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mỹ L. Cho chị Linh được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

**2**. Về con chung: Giao Nguyễn Gia H cho anh N và Nguyễn Gia H1 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; chị L, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3**. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0009557 ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**